

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2016/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 14 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu
và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách tỉnh Nam Định năm 2017
và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020**

LONG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN

Giờ: ...

Ngày: ...

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2309/QĐ-TTg, ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2577/QĐ-BTC, ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 190 /TTr-UBND, ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Đề án quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách tỉnh Nam Định năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách tỉnh Nam Định năm 2017”.

Điều 2. Nghị quyết này được áp dụng trong năm ngân sách 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

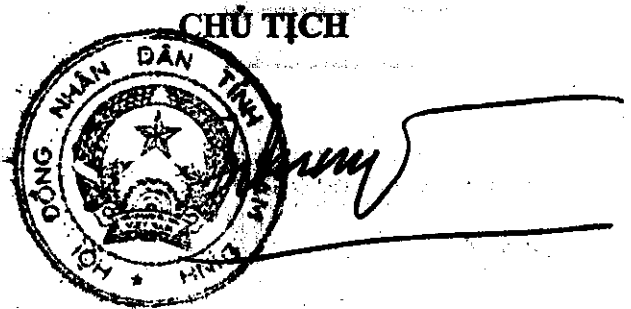
Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, nếu cần điều chỉnh cho phù hợp với chế độ chính sách mới của Nhà nước và tình hình thực tiễn thì Ủy ban nhân dân thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi thực hiện và báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định khoá XVIII, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Như Điều 3, Điều 4;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND TP Nam Định;
- HĐND, UBND các huyện;
- Báo Nam Định; Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ, Website tỉnh;
- Lưu: VT VP HĐND tỉnh.



Trần Văn Chung

QUY ĐỊNH

**phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu
và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách tỉnh Nam Định năm 2017**
(Kèm theo Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**A. Phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp
ngân sách tỉnh Nam Định**

I. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%:

1. - Lệ phí môn bài; thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa dịch vụ trong nước; thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ các hoạt động chính của các đơn vị hạch toán toàn ngành); thuế tài nguyên; tiền thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp nhà nước trung ương, địa phương trên địa bàn thành phố Nam Định.

- Lệ phí môn bài; thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu); thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa dịch vụ trong nước; thuế tài nguyên; tiền thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt và các khoản thu từ hoạt động xổ số kiến thiết kể cả hoạt động xổ số điện toán.

3. Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa sản xuất trong nước.

4. Phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện và phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cấp tỉnh quản lý - phần nộp ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thu, phần nộp ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

6. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

7. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

8. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách tỉnh.

9. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách cấp tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu.

10. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý phần nộp ngân sách tỉnh theo quy định.

11. Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

12. Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương.

13. Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

14. Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

15. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật: Thu khác, tiền phạt, tịch thu (nếu có) của các sở, ban, ngành, các đơn vị thuộc tỉnh đóng trên địa bàn của các huyện, thành phố.

16. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

17. Thu chuyển nguồn ngân sách tỉnh.

18. Thu kết dư ngân sách tỉnh.

19. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.

II. Các khoản thu ngân sách huyện, thành phố hưởng 100%:

1. Lệ phí môn bài; thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ các hoạt động chính của các đơn vị hạch toán toàn ngành); thuế tài nguyên của các doanh nghiệp nhà nước trung ương và địa phương, doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn huyện (trừ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố Nam Định).

2. Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân trên địa bàn các huyện, thành phố).

3. Phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp huyện, thành phố thực hiện và phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cấp huyện, thành phố quản lý, phần nộp ngân sách huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

4. Lệ phí trước bạ phương tiện vận tải; súng săn, súng dùng để tập luyện, thi đấu thể thao.

5. Lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp huyện, thành phố thu, phần nộp ngân sách huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

6. Thu tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố Nam Định.

7. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý phần nộp ngân sách cấp huyện theo quy định.

8. Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý.

9. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

10. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

11. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách huyện, thành phố.

12. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách huyện theo quy định của pháp luật: Thu phạt, tịch thu,...

13. Thu chuyển nguồn ngân sách huyện, thành phố.

14. Thu kết dư ngân sách huyện, thành phố.

15. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

III. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%:

1. Lệ phí môn bài; thuế giá trị gia tăng từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn xã (trừ thu tại phường, thị trấn).

2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp (kể cả các doanh nghiệp, nông trường nộp).

3. Các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước xã, phường, thị trấn thực hiện.

4. Lệ phí do cơ quan, đơn vị địa phương thu, phần nộp ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

5. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản.

6. Thu từ bán tài sản nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn quản lý.

7. Tiền đền bù thiệt hại đất.

8. Các khoản đóng góp tự nguyện cho ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

9. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

10. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

11. Thu chuyển nguồn ngân sách xã, phường, thị trấn.

12. Thu kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn.

13. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.

IV. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ giữa ngân sách tỉnh, ngân sách huyện, thành phố và ngân sách xã, phường, thị trấn:

1. Lệ phí môn bài; thuế giá trị gia tăng; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế tài nguyên; tiền thuê mặt đất, mặt nước của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn thành phố Nam Định, ngân sách tỉnh: 50%, ngân sách thành phố 50%.

2. Lệ phí môn bài; thuế giá trị gia tăng từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn phường, thị trấn:

- Thu tại phường: Ngân sách thành phố 80%, ngân sách phường 20%. Riêng thu tại Chợ Rồng, chợ Mỹ Tho, ngân sách thành phố Nam Định hưởng 100%.

- Thu tại các thị trấn: Ngân sách huyện 30%, ngân sách thị trấn 70%. Riêng thu tại thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực; thị trấn Cồn và thị trấn Yên Định huyện Hải Hậu: Ngân sách huyện 70%, ngân sách thị trấn 30%.

3. Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản; thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân:

- Thu tại xã, thị trấn: Ngân sách huyện 30%; ngân sách xã, thị trấn 70%.

- Thu tại phường: Ngân sách thành phố 90%, ngân sách phường 10%.

4. Tiền thuê mặt đất, mặt nước:

- Đối với doanh nghiệp Trung ương, doanh nghiệp địa phương và doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn các huyện: Ngân sách huyện 70%; Ngân sách xã, thị trấn 30%.

- Đối với các cá nhân, hộ kinh doanh cá thể: Ngân sách huyện, thành phố 70%; Ngân sách xã, phường, thị trấn 30%.

5. Thu lệ phí trước bạ nhà, đất:

- Thu tại các xã, thị trấn: Ngân sách huyện, thành phố 30%, Ngân sách xã, thị trấn 70%.

- Thu tại các phường thành phố Nam Định: Ngân sách thành phố 90%, Ngân sách phường 10%.

6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ngân sách huyện, thành phố 30%; Ngân sách xã, phường, thị trấn 70%.

7. Thu tiền sử dụng đất:

7.1. Thu tiền sử dụng đất khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân; Thu tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đã sử dụng đất, tỷ lệ điều tiết được thực hiện như sau:

a) Thu tiền sử dụng đất tại các xã, thị trấn: Ngân sách tỉnh 30%; Ngân sách huyện, thành phố 20%; Ngân sách xã, thị trấn 50%; trong đó:

- Ngân sách tỉnh dành 20% số thu của từng huyện, thành phố để cấp lại cho các xã của huyện, thành phố đó xây dựng nông thôn mới theo thứ tự ưu tiên như sau:

- + Hỗ trợ các xã xây dựng nông thôn mới theo cơ chế của tỉnh;
- + Trả nợ xây dựng cơ bản cho những xã đã đạt chuẩn được hỗ trợ theo cơ chế của tỉnh;
- + Nâng cao chất lượng nông thôn mới ở những xã đã đạt chuẩn.
- Ngân sách huyện dành 10% để cấp lại cho các xã xây dựng nông thôn mới.

b) Thu tiền sử dụng đất tại các phường của thành phố Nam Định: Ngân sách tỉnh 30%; Ngân sách thành phố 70%.

7.2. Thu tiền sử dụng đất tái định cư cho nhân dân làm nhà ở của thành phố Nam Định; Thu tiền sử dụng đất tại các Khu đô thị tại thị trấn trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Nam Định theo Nghị quyết số 16/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 và Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 21/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh: Ngân sách tỉnh 100%.

7.3. Thu tiền sử dụng đất tại các khu dân cư tập trung trên địa bàn các xã, thị trấn do Ủy ban nhân dân huyện làm chủ đầu tư dự án và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Ngân sách tỉnh 100%.

7.4. Thu tiền sử dụng đất khi thực hiện sắp xếp lại nhà đất của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007; Quyết định số 140/2008/QĐ-TTg ngày 21/10/2008 và Quyết định số 71/2014/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ (sau khi trừ các khoản chi phí và hỗ trợ theo quy định của pháp luật): Ngân sách tỉnh 100%.

B. Phân cấp nhiệm vụ chi:

I. Chi đầu tư xây dựng cơ bản:

- Ngân sách tỉnh: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do tỉnh quản lý; chi đầu tư cho các dự án từ nguồn thu tiền sử dụng đất tái định cư, nguồn thu tiền sử dụng đất tại các Khu đô thị tại thị trấn trung tâm các huyện, nguồn thu tiền sử dụng đất tại các khu dân cư tập trung trên địa bàn các xã, thị trấn (chi cho giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thuộc dự án, số còn lại dành để đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện và ưu tiên đầu tư cho địa phương có đất bị thu hồi); chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan địa phương thực hiện; các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

- Ngân sách huyện, thành phố: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do huyện, thành phố quản lý theo quy định của Chính phủ

và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh từ nguồn thu tiền sử dụng đất, thu đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật. Chi các dự án quy hoạch đất đai, đo đạc cấp quyền sử dụng đất; giải phóng mặt bằng; dự án tái định cư và các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

- Ngân sách xã, phường, thị trấn: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do xã, phường, thị trấn quản lý từ nguồn thu tiền sử dụng đất được hưởng; các khoản đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

II. Chi thường xuyên:

1. Các lĩnh vực ngân sách tỉnh chi:

1.1. Chi trợ giá các mặt hàng chính sách như: Chi trợ giá Báo Nam Định, bản tin nội bộ và trợ giá giống cây, giống con theo chế độ chính sách của nhà nước và của tỉnh sẽ được bố trí trong các lĩnh vực chi ngân sách tương ứng.

1.2. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp tỉnh quản lý:

- Chi sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi: Chi cho các công việc liên quan đến hoạt động ngành nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp như duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản...;

- Chi sự nghiệp giao thông: Chi cho các công việc liên quan đến duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường do tỉnh quản lý.

- Chi sự nghiệp thị chính là khoản chi trả tiền điện đèn đường chiếu sáng trên địa bàn thành phố Nam Định.

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: Chi cho công tác quy hoạch, chi đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính, điều tra cơ bản; các sự nghiệp kinh tế khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh... .

Chi sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ khuyến công, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn, xúc tiến thương mại, chi thực hiện các cơ chế chính sách phát triển kinh tế xã hội do tỉnh ban hành.

1.3 Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hoá thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, tài nguyên môi trường, các hoạt động sự nghiệp khác do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý:

- Giáo dục phổ thông trung học, giáo dục thường xuyên, tăng cường cơ sở vật chất cho các khối học và các hoạt động giáo dục khác do tỉnh quản lý.

- Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, Trường Chính trị Trường Chinh và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác do tỉnh quản lý; chi trợ cấp cho cán bộ công chức, viên chức đi học sau đại học và hỗ trợ một lần cho người có trình độ tiến sỹ, thạc sỹ, bác sỹ, dược sỹ chuyên khoa cấp II về nhận công tác tại tỉnh theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh... .

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Chi nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác theo quy định của các bộ, ngành Trung ương và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sự nghiệp môi trường: Chi các hoạt động bảo vệ môi trường của các đơn vị thuộc tỉnh quản lý và chi thực hiện các dự án, đề án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chi sự nghiệp y tế: Chi các nhiệm vụ phòng bệnh, chữa bệnh và hoạt động của các bệnh viện toàn tỉnh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường, thị trấn, chi chế độ lương, phụ cấp ưu đãi, đặc thù đối với công chức, viên chức ngành y tế từ tỉnh đến xã theo phân cấp, chi hỗ trợ nhân viên y tế ở tổ dân phố thuộc các phường, thị trấn theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Chi công tác dân số kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc trẻ em do tỉnh quản lý; sửa chữa thường xuyên và chi cho hoạt động khác của ngành y tế; kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh của các bệnh viện tỉnh, huyện và khu vực; kinh phí mua thuốc và trang thiết bị phòng chống dịch bệnh; kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng: người nghèo; trẻ em dưới 6 tuổi; đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ; cựu chiến binh theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ; đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 8/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ; đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ; kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT cho học sinh, sinh viên, đối tượng cận nghèo; cho các đối tượng thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo Quyết định số 32/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ...

- Chi sự nghiệp văn hoá thông tin (bao gồm kinh phí để đảm bảo hoạt động các đoàn nghệ thuật truyền thống); chi sự nghiệp phát thanh truyền hình và các hoạt động thông tin khác; chi sự nghiệp thể dục thể thao (đã bao gồm kinh phí hỗ trợ các vận động viên đạt thành tích cấp quốc gia).

- Chi bảo đảm xã hội: Chi các hoạt động bảo đảm xã hội cho các Trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh, Trung tâm dạy nghề cho trẻ em khuyết tật, Trung tâm phòng chống tệ nạn xã hội do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và các hoạt động đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật và chế độ hiện hành...

- Chi các sự nghiệp khác do tỉnh quản lý.

1.4. Chi quản lý hành chính: Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh như: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

1.5. Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp tỉnh theo quy định của Chính phủ và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.6. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội do tỉnh quản lý theo quy định của Chính phủ.

1.7. Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

1.8. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý.

1.9. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

1.10. Chi bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố.

1.11. Chi chuyển nguồn ngân sách tỉnh.

2. Các lĩnh vực ngân sách cấp huyện chi là:

2.1. - Chi sự nghiệp kiến thiết kinh tế:

Chi sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi: Chi cho các công việc liên quan đến hoạt động ngành nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp như duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản,... do cấp huyện quản lý.

- Chi sự nghiệp giao thông: Chi cho các công việc liên quan đến duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường do cấp huyện quản lý; hỗ trợ cho công tác cảnh giới tại các điểm giao cắt đường bộ đường sắt, hoạt động của Ban an toàn giao thông các huyện, thành phố, kinh phí đối ứng các dự án theo quy định.

- Chi sự nghiệp thị chính: Chi duy tu sửa chữa vỉa hè, nạo vét cống thoát nước, công viên và các sự nghiệp thị chính khác ở thành phố Nam Định; chi sửa chữa đèn chiếu sáng và trả tiền điện ở các trung tâm huyện lỵ; chi trả tiền điện thắp sáng đối với các huyện có đường Quốc lộ 10 và Quốc lộ 21 đi qua.

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: Chi đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính, điều tra cơ bản, chi hỗ trợ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của các huyện, thành phố; các sự nghiệp kinh tế khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh...

2.2. Chi sự nghiệp giáo dục: Chi hoạt động và tăng cường cơ sở vật chất cho các trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non công lập.

2.3. Chi sự nghiệp đào tạo: Chi cho Trung tâm bồi dưỡng chính trị; chi cho Trung tâm dạy nghề; chi hỗ trợ cán bộ được cử đi học các lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị, chuyên môn của ngành; chi đào tạo tạo cán bộ các ngành, cán bộ xã, phường, thị trấn theo chế độ nhà nước quy định... .

2.4. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Chi quản lý khoa học công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất trên địa bàn các huyện, thành phố.

2.5. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật. Đối với thành phố Nam Định đã bao gồm toàn bộ công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải của thành phố Nam Định.

2.6. Chi sự nghiệp y tế: Chi bảo đảm cho việc khám sức khỏe cho công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự và các hoạt động sự nghiệp y tế trên địa bàn huyện, thành phố; chi phụ cấp ủy viên chăm sóc sức khỏe các huyện, thành phố.

2.7. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin, chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh và các hoạt động thông tin khác, chi sự nghiệp thể dục thể thao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2.8. Chi bảo đảm xã hội: Chi thăm hỏi các đối tượng chính sách; chi cho các trung tâm phòng chống tệ nạn xã hội cấp huyện; chi trợ giúp thường xuyên và mai táng phí cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ; chi thực hiện chế độ mai táng phí và trợ cấp khi thôi làm công tác đối với Cựu chiến binh theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ; chi thực hiện chế độ mai táng phí đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 8/11/2005 và đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ; chi các hoạt động đảm bảo xã hội khác theo quy định của pháp luật và chế độ hiện hành... .

2.9. Chi các sự nghiệp khác do cấp huyện quản lý.

2.10. Chi quản lý hành chính: Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện như: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

2.11. Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

2.12. Chi an ninh, quốc phòng: Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội ... do ngân sách huyện, thành phố thực hiện theo quy định của Chính phủ và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.13. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật do cấp huyện quản lý.

2.14. Chi bổ sung cho ngân sách xã, phường, thị trấn.

2.15. Chi chuyển nguồn ngân sách huyện, thành phố.

3. Các lĩnh vực ngân sách cấp xã chi là:

3.1. Chi sự nghiệp kiến thiết kinh tế:

- Chi sự nghiệp nông, lâm, thủy lợi: Chi cho các công việc liên quan đến hoạt động ngành nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và lâm nghiệp như: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; Ban nông nghiệp xã; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản... do cấp xã quản lý; Chi phụ cấp cho nhân viên làm công tác thú y; khuyến nông, khuyến ngư; bảo vệ thực vật; quản lý đê nhân dân cấp xã.

- Chi sự nghiệp giao thông: Chi cho các công việc liên quan đến duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường do xã, thị trấn quản lý (đối với phường do ngân sách thành phố chi), kinh phí đối ứng cho các dự án theo quy định.

- Chi sự nghiệp thị chính: Chi duy tu sửa chữa cải tạo vỉa hè, đường phố nội thị, điện chiếu sáng công viên, cây xanh... tại các thị trấn của các huyện (đối với phường do ngân sách thành phố chi).

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: Chi đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính, điều tra cơ bản, đưa dân đi vùng kinh tế mới, các sự nghiệp kinh tế khác do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh...

3.2. Chi sự nghiệp giáo dục của ngân sách xã, phường, thị trấn: Chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp giáo dục trên địa bàn xã, phường, thị trấn, hỗ trợ các Trung tâm giáo dục cộng đồng...

3.3. Chi sự nghiệp đào tạo: Chi hỗ trợ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, xóm, tổ dân phố đi học tập, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn theo quy định.

3.4. Chi sự nghiệp môi trường: Chi thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế, xử lý, chôn lấp chất thải; vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng. Vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh ở xã, thị trấn. Chi điều tra đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường và các biện pháp khắc phục; kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải và bảo vệ môi trường tại địa phương;...

3.5. Chi sự nghiệp y tế: Chi hoạt động y tế, dân số, gia đình và trẻ em ở xã, phường, thị trấn; hỗ trợ cho các trạm y tế xã, phường, thị trấn.

3.6. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: Chi hoạt động của Ban chỉ đạo phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và các hoạt động văn hóa thông tin cấp xã.

3.7. Chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh: Chi phụ cấp, BHYT, BHXH cho cán bộ đài phát thanh xã theo quy định của UBND tỉnh và chi công tác phát thanh, truyền thanh xã, phường, thị trấn.

3.8. Chi sự nghiệp thể dục thể thao do xã, phường thị trấn quản lý.

3.9. Chi bảo đảm xã hội: Chi trợ cấp hàng tháng, mua BHYT và mai táng phí cho cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 và Quyết

định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng; chỉ thăm hỏi các gia đình chính sách; cứu tế xã hội và công tác xã hội khác.

3.10. Chi quản lý hành chính: Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn, đã bao gồm: kinh phí hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW; kinh phí chi chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên cấp xã theo Quyết định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban chấp hành Trung ương; phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân, chi các kỳ họp Hội đồng nhân dân, chi cho các hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn; kinh phí chi tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương của cán bộ và công chức cấp xã; kinh phí chi phụ cấp, mua thẻ BHYT, trích đóng BHXH cho cán bộ không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố theo quy định của Trung ương và của tỉnh; toàn bộ kinh phí chi phụ cấp cho cán bộ là thường trực Mặt trận Tổ quốc, Ban thường vụ các đoàn thể chính trị cấp xã (phụ nữ, nông dân, cựu chiến binh, đoàn thanh niên); trường ban công tác mặt trận, bí thư chi đoàn, chi hội trưởng: hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, hội nông dân, cộng tác viên dân số Gia đình và Trẻ em ở thôn (xóm) theo Nghị quyết số 108/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008; Nghị quyết số 28/2011/NQ-HĐND ngày 08/12/2011 và Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Kinh phí cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân các xã, phường, thị trấn... .

3.11. Chi an ninh: Chi phụ cấp, mua thẻ BHYT, trích nộp BHXH và các hoạt động an ninh trật tự an toàn xã hội của xã, phường, thị trấn.

3.12. Chi quốc phòng: Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ do ngân sách cấp xã đảm nhận,... theo quy định của nhà nước và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.13 Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

III. Dự phòng ngân sách:

Dự phòng ngân sách dùng để chi cho các nhiệm vụ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trên đây là những nội dung cơ bản về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách tỉnh Nam Định năm 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Các khoản chi do cấp có thẩm quyền ban hành chưa đề cập trong văn bản này thì thực hiện việc phân cấp, lập dự toán, chấp hành, kế toán và quyết toán theo chế độ quy định. /

CHỦ TỊCH

Trần Văn Chung